

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 21/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Danh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Huỳnh Tài Em

2. Ông: Nguyễn Văn Miên

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Văn Dư - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: bà Dương Thục Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 05 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 07 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trịnh Thị L, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp VT, xã VT huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1970 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp VT, xã VT huyện HB, tỉnh Bạc Liêu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Trịnh Thị L trình bày:* Chị xây dựng hôn nhân với anh Nguyễn Thanh H vào năm 1991 có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 02 con chung là Nguyễn Trọng N, 27 tuổi (đã chết); Nguyễn Mỹ L1, 25 tuổi đã có chồng. Vợ chồng chị có tài sản chung theo đơn khởi kiện ngày 2/5/2019 chị L có yêu cầu chia nhưng tại phiên họp công khai chứng cứ hòa giải ngày 17/6/2019 thì tài sản chung đã thỏa thuận xong không yêu cầu giải quyết, không nợ ai. Thời gian đầu sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc, cách nay khoảng 03 tháng thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, chồng chị thường đánh đập chị

nhiều lần, do vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, hôn nhân không còn hạnh phúc. Vợ chồng chị đã ly thân hơn 02 tháng nay, sống cùng địa phương nhưng không sống chung nhà, trong thời gian ly thân, vợ chồng chị không tìm nhau để hàn gắn. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Hòa; con chung đã thành niên nên không có ý kiến gì; tài sản chung thỏa thuận xong không yêu cầu; nợ chung: không có; ngoài ra không yêu cầu gì khác.

* *Bị đơn là anh Nguyễn Thanh H trình bày:* Anh thống nhất toàn bộ lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Do vợ chồng anh bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, lúc nóng giận anh có tát vào mặt chị L vài lần nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng anh cũng ly thân khoảng hơn 02 tháng nay, vợ chồng cùng sống tại địa phương nhưng không sống chung nhà; bản thân anh cũng không muốn hàn gắn tình cảm. Nay chị L xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn; con chung thành niên nên không yêu cầu, tài sản chung thỏa thuận xong không yêu cầu, nợ chung: không có. Ngoài ra do bận nhiều việc nên anh xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án này, anh cam kết không khiếu nại gì về sau. Ngoài ra, không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu: Về thủ tục tố tụng: từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 ; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị L và anh H là vợ chồng; con chung đã thành niên, tài sản chung thỏa thuận xong, nợ chung không có, chị L phải chịu án phí theo quy định.

Các đương sự không cung cấp chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: tranh chấp giữa chị L, anh H là “*tranh chấp ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Anh H có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị L và anh Hòa dựng hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống chị L và anh H không quan tâm xây dựng hạnh phúc, yêu thương nhau mà thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm sống, anh Hòa có đánh chị L, vì vậy mâu thuẫn kéo dài, chẳng những không có biện

pháp để khắc phục, dung hòa mà mâu thuẫn ngày càng lớn, từ đó dẫn đến rạn nứt tình cảm vợ chồng; không còn tình cảm yêu thương với nhau thể hiện qua việc chị và anh đã sống ly thân khoảng 03 tháng nay; anh chị sống cùng địa phương nhưng không sống chung nhà. Quá trình giải quyết vụ án chị L, vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh H, đồng thời anh Hòa không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm, cũng đồng ý ly hôn với chị L; điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn. Tuy nhiên, chị L, anh H tự nguyện sống chung với nhau, không đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014, hôn nhân giữa chị L và anh H là không hợp pháp nên không công nhận chị L và anh H là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: đã thành niên, chị L và anh H không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị L do tài sản chung tự thỏa thuận xong không yêu cầu, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đối với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình là có căn cứ, được chấp nhận

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trịnh Thị L và anh Nguyễn Thanh H là vợ chồng.

2. Con chung: đã thành niên, chị L, anh H không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị L do tài sản chung tự thỏa thuận xong không yêu cầu; nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị L đã nộp tiền tạm ứng án phí 1.000.000 đồng (một triệu đồng) theo biên lai thu số 0005503 ngày 10/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ; chị L được nhận lại

700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

(Đã ký)

LÊ THANH DANH